

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ M PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 01 - 2021

V/v tranh chấp về ly hôn và
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ M PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố M Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố M Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vương Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1096/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị V Thị Thu H; nơi cư trú: Số 9/83 C, phường H, quận Lê Chân, thành phố M Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Hx; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9/83 C, phường H, quận Lê Chân, thành phố M Phòng; hiện đang chấp hành án tại K2, đội 01 Trại giam Hoàng Tiến, M Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị V Thị Thu H trình bày: Chị và anh Phạm Văn Hx xây dựng gia

đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hồ Nam, quận Lê Chân, M Phòng vào ngày 16/8/2005, đến nay có 02 con chung là Phạm Hoàng V, sinh ngày 22/01/2006 và Phạm Hoàng M, sinh ngày 21/7/2011. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp về tính cách; anh Hx không có trách nhiệm với gia đình, mãi mê chơi bời, không lo làm ăn kinh tế, chị đã nhiều lần kHxên ngăn nhưng anh Hx vẫn không thay đổi. Từ đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã lẫn nhau làm cho không khí gia đình ngày càng căng thẳng, nặng nề. Hơn nữa, vào năm 2012 anh Hx vi phạm pháp luật đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 18 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, hiện đang pM chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến, chị cũng thường xuyên đến thăm gặp nhưng tình cảm vợ chồng đã thực sự rạn nứt, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hx. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi thành niên và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị H tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Phạm Văn Hx trình bày: Anh xác nhận về quá trình vợ chồng lấy nhau và có hai con chung như chị H trình bày là đúng. Theo anh, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2011 do hai bên bất đồng nhau về quan điểm sống, anh Hx mãi chơi không tu trí làm ăn, chị H đã kHxên nhủ nhiều lần nhưng anh không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Đến năm 2012 anh pM đi chấp hành án tại trại giam Hoàng Tiến với mức án 18 năm tù về tội Trộm cắp tài sản thì tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, xa cách hơn. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị H xin ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung: Chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con đến khi thành niên và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con thì anh đồng ý. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị V Thị Thu H và anh Phạm Văn Hx xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hồ Nam, quận Lê Chân, M Phòng vào ngày 16/8/2005, đến nay có

02 con chung. Quá trình chung sống, đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhau về quan điểm sống, lối sống, tính cách; hơn nữa, năm 2012 anh Hx vi phạm pháp luật pM đi chấp hành án phạt tù nên tình cảm vợ chồng càng xa cách, mâu thuẫn trầm trọng hơn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh Hx; về con chung: Giao cả hai con chung là Phạm Hoàng V, sinh ngày 22/01/2006 và Phạm Hoàng M, sinh ngày 21/7/2011 cho chị H được nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu giải quyết; về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về án phí: Chị H pM chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Chị V Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn Hx. Đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn; bị đơn cư trú tại địa bàn quận Lê Chân, thành phố M Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

[2] Bị đơn anh Phạm Văn Hx có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị V Thị Thu H và anh Phạm Văn Hx kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hồ Nam, quận Lê Chân, M Phòng vào ngày 16/8/2005 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhau về quan điểm sống, tính cách, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung; năm 2012 anh Hx vi phạm pháp luật và pM đi chấp hành án phạt tù thì tình cảm vợ chồng càng xa cách hơn. Tiến hành thu thập chứng cứ xác minh về thực trạng hôn nhân giữa anh Hx và chị H tại nơi cư trú và gia đình cho thấy: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng nhau về quan điểm sống, tính cách, thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau; hơn nữa, khi anh Hx đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Hoàng Tiến thì tình cảm vợ chồng càng rạn nứt. Do vậy, việc chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hx là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Hx đã thực sự trầm trọng; cuộc sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào

Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử cho chị V Thị Thu H được ly hôn anh Phạm Văn Hx là phù hợp.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Hoàng V, sinh ngày 22/01/2006 và Phạm Hoàng M, sinh ngày 21/7/2011, chị H xin được nuôi dưỡng cả hai con và anh Hx cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của các bên đương sự là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hành cảnh thực tế, nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận; về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H pM nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị V Thị Thu H và anh Phạm Văn Hx.
2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Phạm Hoàng V, sinh ngày 22/01/2006 và Phạm Hoàng M, sinh ngày 21/7/2011 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị H pM nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị H đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo Biên lai thu tiền số 0013913 ngày 23 tháng 7 năm 2020.
4. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hx được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
5. Về quyền thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pM thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND p.Hồ Nam, q.Lê Chân, M Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương